

| | | | |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày 30/09/2024 | 27,900 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.1% | -0.7% | -17.9% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 7.5% | +/- YoY ▼ 1.3% |

| | | | |
|-------------|--------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 117 | QoQ ▼ 8.00 ▼ 6.1% | YoY ▼ 13.0 ▼ 9.7% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 361 | YoY ▼ 6.00 ▼ 1.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 13.4 | QoQ ▼ 1.80 ▼ 11.9% | YoY ▼ 6.00 ▼ 31.0% |
| | tỷ VNĐ | | |

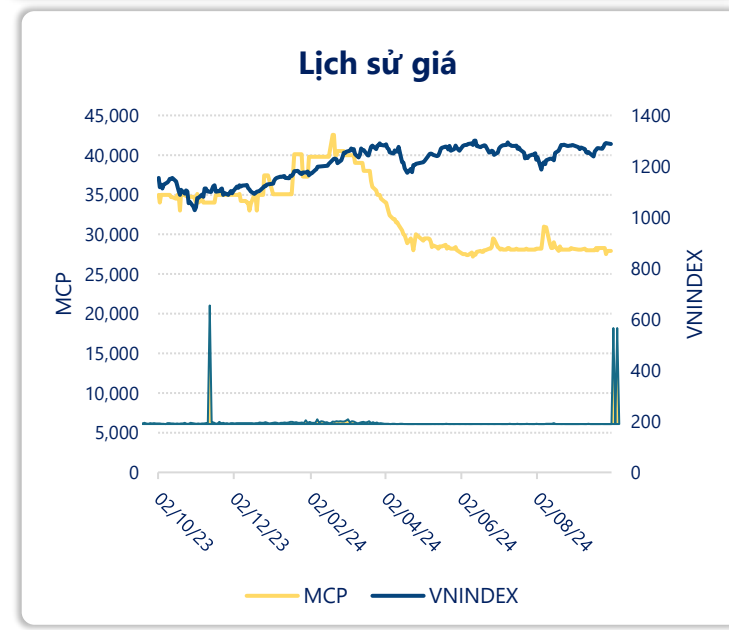
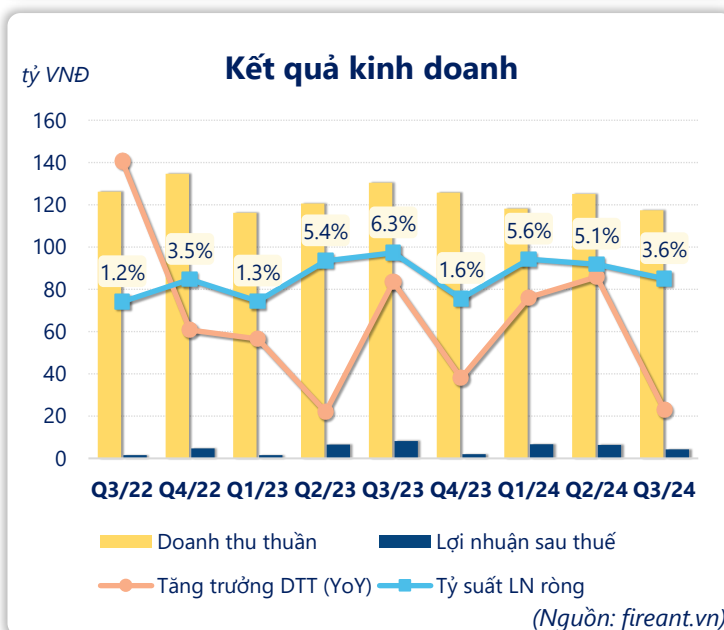
| | | |
|--------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 44.5 | YoY ▼ 1.90 ▼ 4.3% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 5.27 | QoQ ▼ 2.70 ▼ 33.9% | YoY ▼ 4.73 ▼ 47.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

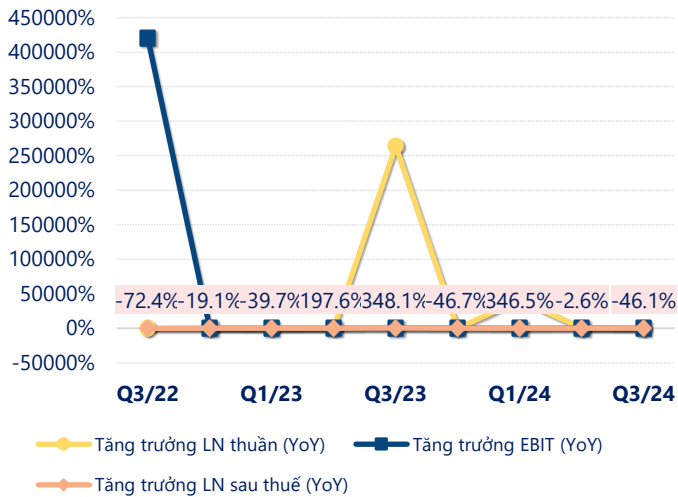
| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 21.5 | YoY ▲ 1.40 ▲ 7.1% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 4.22 | QoQ ▼ 2.16 ▼ 33.8% | YoY ▼ 3.95 ▼ 48.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

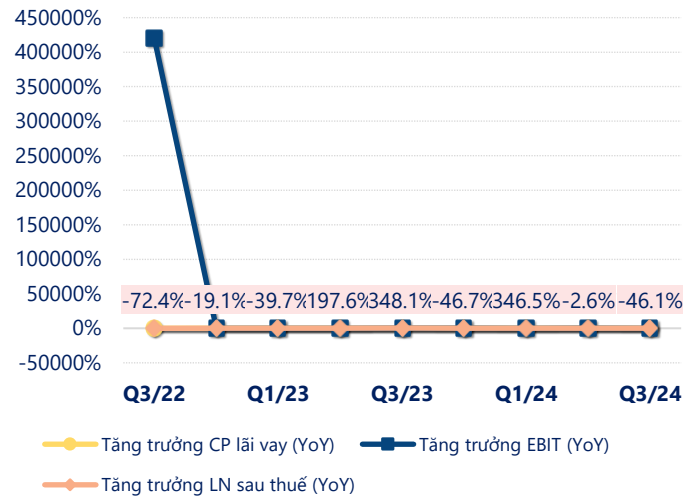
| | | |
|----------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 17.2 | YoY ▲ 1.00 ▲ 6.2% |
| | tỷ VNĐ | |



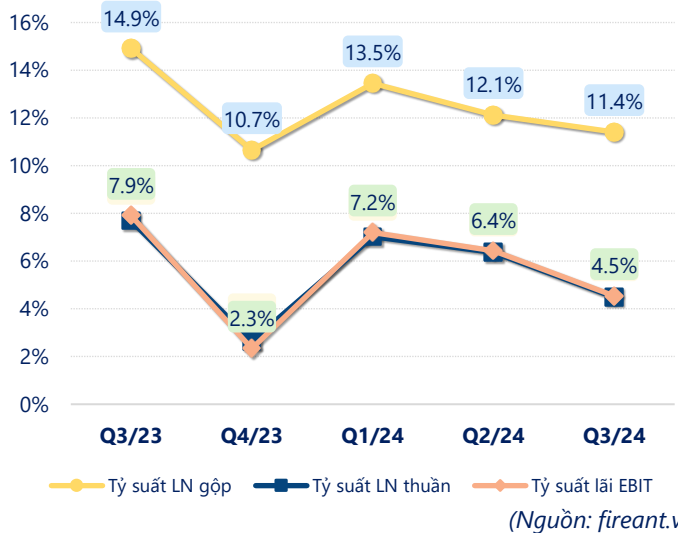
Tăng trưởng lợi nhuận



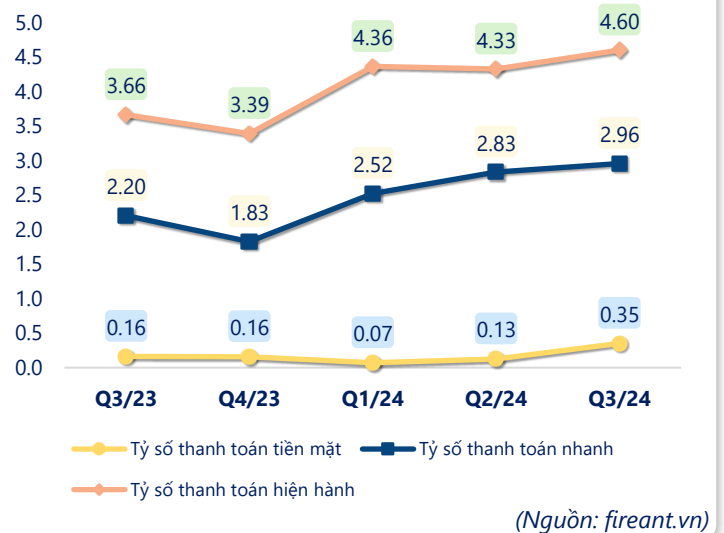
Tăng trưởng chi phí



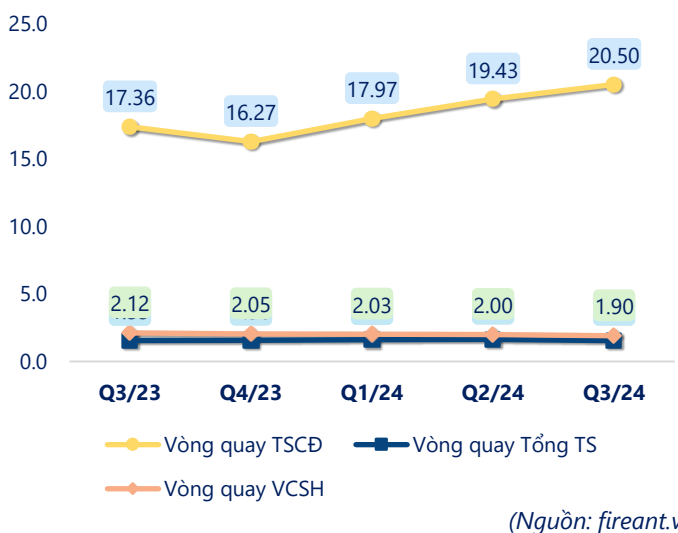
Tỷ suất lợi nhuận



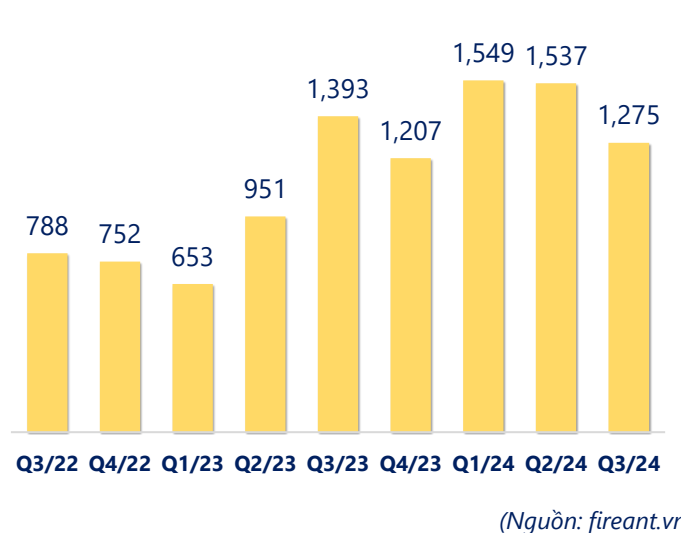
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 117 | 130 | -9.7% | 361 | 367 | -1.8% |
| Giá vốn hàng bán | 104 | 111 | -6.3% | 316 | 321 | -1.4% |
| Lợi nhuận gộp | 13.4 | 19.4 | -31.0% | 44.5 | 46.4 | -4.3% |
| Doanh thu HĐTC | 0.56 | 0.01 | 5522% | 1.61 | 0.30 | 427% |
| Chi phí TC | 0.49 | 0.24 | 104% | 1.23 | 2.01 | -39.0% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.08 | -100% | 0.25 | 1.25 | -80.3% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 3.56 | 4.21 | -15.4% | 11.4 | 11.3 | 0.5% |
| Chi phí QLDN | 4.63 | 4.96 | -6.6% | 12.0 | 13.4 | -10.4% |
| LN thuần từ HĐKD | 5.27 | 10.0 | -47.3% | 21.5 | 20.1 | 7.1% |
| Lợi nhuận khác | 0.06 | 0.19 | -69.1% | 0.10 | 0.22 | -52.9% |
| LN trước thuế | 5.33 | 10.2 | -47.8% | 21.6 | 20.3 | 6.5% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.22 | 8.17 | -48.3% | 17.2 | 16.2 | 6.2% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 4.22 | 8.17 | -48.3% | 17.2 | 16.2 | 6.2% |

(Nguồn: fireant.vn)

